

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2025

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị;
2. Ông Võ Đức Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Bé T, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Phan Thanh S, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị Bé T trình bày: Do quen biết tự tìm hiểu nên bà T, ông S tiến đến hôn nhân có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M huyện T tỉnh Long An vào ngày 22/12/2006. Sau khi kết hôn thì sống cùng với cha mẹ chồng tại ấp D, xã M, huyện T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng 01 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S có lời nói xúc phạm bà T vì cho rằng bà T có tình cảm với người đàn ông khác trong thời gian bà đi làm

tăng ca nên về nhà trễ, ông S không còn phụ tiền để trang trải gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn quan tâm yêu thương nhau, mạnh ai nấy sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, bà T xác định không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông S. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Kim N, sinh ngày 11/8/2007 và Phan Thiên D, sinh ngày 07/7/2015 hiện đang sống cùng với bà T, ông S. Khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Phan Thiên D, yêu cầu ông S nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Kim N, các bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có. Ngoài ra bà T không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Thanh S vắng mặt và không có lời trình bày cũng như ý kiến hay yêu cầu cụ thể nào.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn không hợp tác nên đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được bà T yêu cầu ly hôn là phù hợp nên đề nghị chấp nhận. Về con chung đề nghị giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, giao cháu N cho ông S nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Bé T và ông Phan Thanh S có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay bà Trương Thị Bé T yêu cầu ly hôn, ông S đang cư trú tại ấp D, xã M, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bà Trương Thị Bé T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phan Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bé T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do ông S có lời nói xúc phạm bà T vì cho rằng bà T có tình cảm với người đàn ông khác, ông S không còn phụ tiền để lo sinh hoạt trong gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn quan tâm yêu thương nhau, mạnh ai nấy sống dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu bà T cung cấp gồm đơn khởi kiện có thể hiện rõ lời trình bày của bà T về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên ông S không có ý kiến hay phản đối. Do đó nhận thấy trong thời gian chung sống giữa bà T và ông S đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai bên không tìm cách để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi hậu quả ông bà không quan tâm chăm sóc nhau. Tòa án tiến hành hòa giải cho bà T và ông S trở về đoàn tụ song ông S không tham gia hòa giải. Tại phiên tòa ông S cũng vắng mặt cho thấy ông không còn thiết tha với mối quan hệ hôn nhân này. Bà T vắng mặt nhưng vẫn cương quyết ly hôn do vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà T và ông S không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà T1 ông S có 02 con chung tên Phan Thị Kim N, sinh ngày 11/8/2007 và Phan Thiên D, sinh ngày 07/7/2015. Khi ly hôn bà Thương yêu C được trực tiếp nuôi cháu D, giao con chung cháu N cho ông S nuôi dưỡng.

Nhận thấy: Cháu D trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống chung với bà T còn cháu N trên 7 tuổi có nguyện vọng sống chung với ông S đồng thời ông S không có ý kiến phản đối việc nuôi con chung của bà T do đó HĐXX giao cháu D cho bà T nuôi dưỡng và giao cháu N cho ông S nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T, ông S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Bà T xác định không có

[3]. Tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: bà Trương Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Bà T2 phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bé T đối với ông Phan Thanh S.

Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Bé T được ly hôn với ông Phan Thanh S.

Về con chung: Giao con chung tên Phan Thiên D, sinh ngày 07/7/2015 cho bà Trương Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung tròn 18 tuổi. Giao con chung tên Phan Thị Kim N, sinh ngày 11/8/2007 cho ông Phan Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng.

2. Về án phí sơ thẩm: Trương Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009539 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Bà T không phải nộp thêm án phí.

3. Về quyền kháng cáo: bà Trương Thị Bé T và ông Phan Thanh S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tuấn